TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 -01 -2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Miên và bà Khương Thị Lơ

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 01-10-2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

-. *Nguyên đơn:* anh Hà Văn D, sinh năm 1980,

ĐKHK và cư trú: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

-. *Bị đơn:* chị Lê Thị H, sinh năm 1985,

ĐKHK và nơi cư trú cuối cùng: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

-. *Người làm chứng:*

+. Ông Lê Hồng S, sinh năm 1950; trú tại: xóm 4, xã TP, huyện TC, tỉnh NA.

+. Bà Hà Thị N, sinh năm 1952; trú tại: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

Tại phiên tòa có mặt anh D; vắng mặt chị H, ông S, bà N. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Hà Văn D trình bầy: anh và chị Lê Thị H tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CV, huyện CG vào ngày 22-02-2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn VT, xã CV được hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có con chung, thường xuyên bất đồng về quan

điểm. Tình cảm vợ chồng dạn nứt, ngày càng xa cách. Lúc đầu chị H đi làm bên ngoài ít về nhà, dần dần không về nhà nữa mà chỉ liên lạc với anh qua mạng xã hội. Sau đó vợ chồng anh sống ly thân, không ai quan tâm đến ai đã nhiều năm, địa chỉ cụ thể chị H đang ở đâu chị không cho anh biết. Anh đã liên lạc điện thoại, facebook, zalo và đăng báo pháp luật, báo VOV để thông báo cho chị H về Cẩm Giàng cùng nhau làm thủ tục ly hôn nhưng chị H cố tình không về, chỉ nói anh cứ làm, khi nào Tòa án báo gọi thì anh thông báo cho chị biết. Thông qua bạn bè trên mạng anh được biết chị H còn đang sinh sống với người đàn ông khác và có con nhưng anh không có căn cứ chứng minh. Anh xác định không còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: không có .

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn bản sao; Đơn đề nghị xác nhận hộ khẩu thường trú của chị H; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; các số Báo Pháp luật Việt Nam từ ngày 7-4-2021 đến ngày 9-4-2021.

Tại Đơn xin xử vắng mặt ngày 23-12-2021, chị H xác nhận đã nhận và biết tất cả các văn bản, thông báo của Tòa án về việc giải quyết ly hôn. Chị nhất trí ly hôn; con chung và tài sản chung, nợ chung không có. Chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-10-2021; bà Hà Thị N (mẹ đẻ anh D) trình bày: sau khi cưới, anh D chị H sống cùng gia đình bà ở thôn VT, xã CV, huyện CG. Giữa gia đình bà và chị H không có mâu thuẫn gì nhưng bà thấy vợ chồng anh chị ít nói chuyện với nhau, khi nào nói chuyện được thì câu trước câu sau lại cãi nhau. Được hơn 01 năm thì chị H thường xuyên vắng nhà, bà hỏi thì anh D nói đi làm ăn rồi lại nói chị H không về nhà nữa, bà không hiểu giữa anh chị có chuyện gì. Từ khi chị H ra khỏi nhà không liên lạc với vợ chồng bà, nhưng nghe anh D nói thỉnh thoảng chị vẫn gọi Messenger. Bà bảo anh D động viên chị H quay về nhưng không được, nhiều năm nay anh D sống một mình. Trong thời gian anh D chị H sống với gia đình bà, anh chị không có con chung, không có tài sản chung. Bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh D chị H vì chị H không quay về nữa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-12-2021, ông Lê Hồng S (bố đẻ chị H) xác nhận: sau khi kết hôn, chị H về sống tại nhà anh D; vợ chồng thỉnh thoảng về thăm ông; cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì thì ở xa ông không biết. Ông nghe nói nguyên nhân mâu thuẫn là do không có con nên sau khi kết hôn ba năm, chị H bỏ đi. Chị Hường anh D sống ly thân cách đây khoảng 6-7 năm. Hiện tại chị H đang đi làm ăn tại thành phố Huế, chị H không cho biết địa

chỉ cụ thể, chỉ thỉnh thoảng liên lạc với ông qua mạng xã hội có tên tài khoản "LH". Ông xác định anh D chị H không có con chung, không có tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Tại Biên bản xác minh, Chính quyền địa phương UBND xã CV cung cấp: anh Hà Văn D và chị Lê Thị H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã CV vào ngày 22-02-2008 thể hiện tại quyển sổ số 01/2008. Sau khi kết hôn, anh D chị H sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn VT, xã CV, được một thời gian ngắn thì chị H đi đâu, ở đâu, làm gì địa phương không nắm được. Anh D chị H đã ly thân nhiều năm nay nhưng vẫn liên lạc với nhau qua mạng xã hội, hiện chị H vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại xã CV, chưa cắt chuyển đi. Anh chị không có con chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mỗi người sống một nơi, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt nhưng có Đơn thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn và xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày. Anh D xác định chữ ký " H" và dòng chữ "Lê Thị H" trong Đơn xin xử vắng mặt được gửi từ xã TP, huyện TC, tỉnh NA qua bưu điện về Tòa án Cẩm Giàng đúng là chữ ký và chữ viết của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Quan hệ hôn nhân: xử cho anh D ly hôn chị H;
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không phải giải quyết.
- Án phí: anh D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Hà Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn chị Lê Thị H có đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú cuối cùng tại xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh

Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: chị H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

Quan hệ hôn nhân: anh Hà Văn D và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CV, huyện Cẩm Giàng vào ngày 22-02-2008, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có con nên không có sự gắn kết. Chị H đã bỏ đi và anh chị sống ly thân nhiều năm nay. Chị H biết việc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ly hôn, đã có quan điểm nhất trí ly hôn với anh D. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc anh D chị H thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu xin ly hôn của anh D là có căn cứ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quan hệ con chung: anh D, chị H đều xác định không có con chung, HĐXX không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: anh D, chị H đều xác định không có, HĐXX không phải giải quyết;

[3] Về án phí: anh D là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Hà Văn D;

Về quan hệ tình cảm: xử cho anh Hà Văn D được ly hôn chị Lê Thị H.

Về án phí: anh Hà Văn D phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0002003 ngày 01-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh Hà Văn D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo: anh Hà Văn D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- Đương sự;
-UBND xã CV để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Thúy